



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

SAVICO 68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 01 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		508.235.636.312	367.076.207.609
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		162.090.462.381	49.130.501.895
1. Tiền	111	D1	99.090.462.381	44.130.501.895
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	35.633.284.631	46.551.022.680
1. Đầu tư ngắn hạn	121		52.922.284.631	70.651.488.532
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(17.289.000.000)	(24.100.465.852)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.871.270.469	187.045.077.164
1. Phải thu khách hàng	131		64.555.029.195	46.315.835.208
2. Trả trước cho người bán	132	D3.1	87.185.468.070	111.873.041.485
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		185.969.863	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	41.987.060.932	30.025.474.832
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.042.257.591)	(1.169.274.361)
IV. Hàng tồn kho	140		95.204.055.622	71.484.902.978
1. Hàng tồn kho	141	D4	99.864.304.786	75.639.267.407
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.660.249.164)	(4.154.364.429)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.436.563.209	12.864.702.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.507.421.466	1.384.913.953
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.534.522.367	1.176.481.874
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	-	103.052.330
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.394.619.376	10.200.254.735
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.283.820.682.063	996.176.060.514
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.906.653.139	17.081.269.503
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	5.906.653.139	17.081.269.503
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II. Tài sản cố định	220		399.032.282.713	337.423.863.671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	39.757.232.328	20.541.321.711
- Nguyên giá	222		62.813.657.186	45.230.491.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.056.424.858)	(24.689.169.714)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	2.663.406.747	-
- Nguyên giá	225		2.663.406.747	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	48.163.896.768	49.448.819.760
- Nguyên giá	228		51.815.314.940	51.800.519.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.651.418.172)	(2.351.699.900)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	308.447.746.870	267.433.722.200
III. Bất động sản đầu tư	240		97.802.040.681	38.521.026.609
- Nguyên giá	241	D12	113.259.450.328	50.825.805.393
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.457.409.647)	(12.304.778.784)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		700.146.469.888	562.862.187.939
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	D13	239.801.566.783	223.894.353.641
3. Đầu tư dài hạn khác	258	D14	523.140.161.479	439.563.908.715
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(62.795.258.374)	(100.596.074.417)
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		80.933.235.642	40.287.712.792
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	D15	48.533.177.085	19.617.798.427
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.490.274.086	13.218.838.894
3. Tài sản dài hạn khác	268		21.909.784.471	7.451.075.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.792.056.318.375	1.363.252.268.123
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		957.630.212.668	797.183.245.668
I. Nợ ngắn hạn	310		337.510.530.173	317.889.953.349
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	D16	133.214.555.045	128.168.304.260
2. Phải trả người bán	312		26.110.916.615	41.829.700.166
3. Người mua trả tiền trước	313		35.304.818.471	11.824.971.114
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	D17	29.855.270.022	21.239.068.472
5. Phải trả người lao động	315		43.259.261.459	33.384.760.193
6. Chi phí phải trả	316	D18	11.634.949.388	10.629.582.306
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	D19	58.130.759.173	70.813.566.838
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
II. Nợ dài hạn	330		620.119.682.495	479.293.292.319
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	D20	236.598.096.061	139.152.777.192
4. Vay và nợ dài hạn	334	D21	380.989.248.833	338.351.335.879
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		423.363.436	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.108.974.165	1.789.179.248
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		725.852.205.023	486.602.595.830
I. Vốn chủ sở hữu	410	D22	718.852.523.179	479.212.219.009
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.955.730.000	203.610.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	180.876.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(16.000)	(3.544.746.277)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.537.266.085	650.345.638
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.431.871.272	16.193.469.287
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.172.576.131	6.602.007.981
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		121.690.237.388	74.824.442.380

11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.999.681.844	7.390.376.821
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.999.681.844	7.390.376.821
2. Nguồn kinh phí	432	D23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		108.573.900.684	79.466.426.625
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		1.792.056.318.375	1.363.252.268.123

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>		<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
USD			3.025,64	3.903,02
EUR			26,49	39,23
JPY			-	-
AUD			-	-
SGD			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Hoàng Thị Thảo



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

SAVICO 68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2009	Quý IV/2008	Lũy kế	
					2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D24	1.127.021.590.849	434.148.495.298	3.095.699.846.444	2.120.656.466.797
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.020.118.190	866.924.820	14.927.944.861	3.033.181.060
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.117.001.472.659	433.281.570.478	3.080.771.901.583	2.117.623.285.737
4. Giá vốn hàng bán	11	D25	1.037.407.250.290	383.009.063.703	2.821.776.405.641	1.945.126.877.894
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.594.222.369	50.272.506.775	258.995.495.942	172.496.407.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D26	16.499.653.753	37.579.795.750	27.487.030.091	77.487.561.998
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D27	11.150.917.611	146.005.409.696	25.580.726.535	202.501.817.096
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.908.226.899	38.718.145.134	32.619.216.936	63.319.911.776
8. Chi phí bán hàng	24		24.480.581.394	25.099.878.298	73.354.070.082	61.719.379.982
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.657.738.350	10.958.828.654	79.553.727.016	49.130.543.469
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.804.638.767	(94.211.814.123)	107.994.002.400	(63.367.770.706)
11. Thu nhập khác	31	D28	6.515.601.464	115.688.433.309	14.544.680.565	120.415.490.010
12. Chi phí khác	32	D29	9.691.252.493	4.485.649.140	11.315.690.804	5.847.989.273
13. Lợi nhuận khác	40		(3.175.651.029)	111.202.784.169	3.228.989.761	114.567.500.737
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		4.762.465.819	(580.567.738)	14.505.271.079	10.666.133.785
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		33.391.453.557	16.410.402.308	125.728.263.240	61.865.863.816
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		4.826.598.175	10.039.845.664	23.904.563.688	21.143.222.547
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		579.618.388	(10.168.594.616)	3.151.928.244	(14.569.834.831)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		27.985.236.994	16.539.151.260	98.671.771.308	55.292.476.100
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		7.929.512.734	(1.387.625.053)	23.956.573.826	15.339.311.289
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		20.055.724.260	17.926.776.313	74.715.197.482	39.953.164.811
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		831	890	3.529	2.236

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

SAVICO 68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		125.728.263.240	61.865.863.816
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		9.914.888.928	9.091.544.733
- Các khoản dự phòng	03		(44.233.413.930)	121.061.987.579
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		51.934.956	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3.029.178.806	(198.184.912.410)
- Chi phí lãi vay	06		33.471.983.603	63.319.911.776
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127.962.835.603	57.154.395.494
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.555.622.583	5.433.620.802
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.432.849.696)	(11.188.493.344)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(54.868.692.580)	13.812.743.697
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.644.095.557	(18.396.714.346)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(45.449.538.763)	(64.485.471.855)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.694.719.785)	(11.506.196.947)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.080.204.171	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.566.944.740)	(4.596.142.339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.230.012.350	(33.772.258.838)
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(83.603.310.056)	(197.219.596.943)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.997.122.132	39.740.725.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.514.042.332
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(196.931.772.574)	(11.237.295.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		112.144.246.576	48.978.894.184
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.607.071.106	31.350.499.379
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(140.786.642.816)	(78.872.730.684)
			-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		189.228.618.580	142.473.480.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(743.133.777)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		775.914.334.080	1.051.393.648.875
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(729.618.247.425)	(1.096.523.451.913)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.008.268.200)	(29.429.296.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		219.516.437.035	67.171.246.330
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		112.959.806.569	(45.473.743.192)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49.130.501.895	94.604.245.087
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		153.917	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		162.090.462.381	49.130.501.895

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ IV NĂM 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán nông, lâm, hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp, hàng may mặc, giấy dếp.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Mua bán hàng điện lạnh, kim khí điện máy.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.

4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:

1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
3. Công Ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Tự Động SAVICO.
 - Địa chỉ: 83D Bùi Thị Xuân, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 99%
4. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
5. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
6. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
7. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: A16A, 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
8. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Công Ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố

- Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, Tp.HCM
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%

5. Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:

1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
3. Công Ty Cổ Phần DANA.
 - Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%
4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%
5. Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%
6. Công ty Cổ Phần Siêu Xe
 - Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%
7. Công ty TNHH SAVICO – Vinaland
 - Địa chỉ: 115-117 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49,5%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không vượt quá 1/2 quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	3.222.446.566	3.806.935.102
Tiền gửi ngân hàng	95.868.015.815	40.323.566.793
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	99.090.462.381	44.130.501.895

D2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	52.922.284.631	69.651.488.532
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(17.289.000.000)	(24.100.465.852)
Cộng	35.633.284.631	46.551.022.680

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

STT	Mã CK	Gía trị	Đầu tư mới	Thanh khoản	Danh mục tại 31/12/2009
1	Thuduchouse	12.800.732.088	-	-	12.800.732.088
2	Sai Gon Postel (SPT)	4.903.850.000	-	-	4.903.850.000
3	Cty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	6.300.000.000	-	-	6.300.000.000
4	Constrexim 2	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
5	Cty CP Merufa	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
6	Ngân hàng CP Sài Gòn Thương Tín	-	18.498.347.000	15.667.222.000	2.831.125.000
7	Cty CP Tập Đoàn Hoà Phát	-	8.447.500.000	5.715.000.000	2.732.500.000
8	Cty CP Nhiệt Điện Ninh Bình	-	4.296.600.000	2.949.309.000	1.347.291.000
9	Cty CP XNK Khánh Hội	-	7.439.134.000	2.434.400.000	5.004.734.000
10	CH (trái phiếu)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
11	Cty CP Dệt May Thành Công (TCM)	61.720	-	61.720	-
12	Cty CP Dược Phẩm OPC	15.709.000.000	-	15.709.000.000	-
13	Cty CP Toàn Thịnh Phát	2.130.600.000	-	2.130.600.000	-
14	Cty CP XD và thiết kế số 1 (DECOFI)	2.538.534.000	-	2.538.534.000	-
15	Cty CP phát triển KCN Tín Nghĩa	3.657.133.980	-	3.657.133.980	-
16	Cty CP Cấp và VL Viễn Thông	-	4.820.800.000	4.820.800.000	-
17	Cty CP Bán Kẹo Biên Hòa	-	1.583.124.000	1.583.124.000	-
18	Cty CP Cao Su Tây Ninh	-	1.065.000.000	1.065.000.000	-
19	Cty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)	-	14.505.140.000	14.505.140.000	-
20	Cty CP XNK Bình Thạnh (GIL)	-	3.582.521.000	3.582.521.000	-
21	Cty CP Cao Su Hòa Bình (HRC)	-	2.544.297.000	2.544.297.000	-
22	Cty CP Nhiệt Điện Phả Lại (PPC)	-	590.000.000	590.000.000	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23	Cty CP Dầu Thực Vật Tường An	-	410.000.000	410.000.000	-
24	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	1.548.000.000	1.548.000.000	-
25	Cty CP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	-	408.000.000	408.000.000	-
26	Cty CP Cơ Điện Lạnh REE	-	3.663.500.000	3.663.500.000	-
27	Cty CP Chuồng khoán Sài Gòn (SSI)	-	2.825.000.000	2.825.000.000	-
28	Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Prudential	-	1.092.294.000	1.092.294.000	-
29	Chứng cớ Quỹ Đầu Tư VFI	-	10.073.000.000	10.073.000.000	-
30	Quỹ Đầu tư DN Hàng đầu VF4	-	4.203.480.000	4.203.480.000	-
31	DCC	135.416.667	-	135.416.667	-
32	REE	1.023.521.739	-	1.023.521.739	-
33	SJS	1.651.125.000	-	1.651.125.000	-
34	SSI	779.500.000	-	779.500.000	-
35	STB	832.216.738	-	832.216.738	-
36	HPC	189.796.600	2.052.543	189.796.600	2.052.543
Tổng cộng		70.651.488.532	129.429.109.543	147.158.313.444	52.922.284.631

D3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.267.647.182	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác (*)	39.719.413.750	30.025.474.832
Cộng	41.987.060.932	30.025.474.832

(*): Các khoản phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản:

- ✓ Giao vốn cho bộ phận kinh doanh xe cũ: 10.865.626.397đ.
- ✓ Các khoản chi hộ và phải thu một số đơn vị khác: 28.853.787.353 đ

D3.1. Trả trước cho người bán.

Trả trước người bán 87.185.468.070 đồng, trong đó:

- ✓ Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Cái Răng, Cần Thơ (nam Cần Thơ): 37.953.702.000 đ – thực hiện dự án Toyota Cần Thơ – Công ty CP Toyota Cần Thơ đã chính thức khai trương vào 30/09/2009.
- ✓ Chi phí thực hiện Dự án 104 Phở Quang: 8.500.000.000 đồng.
- ✓ Các khoản ứng trước cho các nhà cung cấp khác (thi công, san lấp...): là 4.404.437.326đ
- ✓ Cty Đông Đô Thành ứng trước tiền hàng: 1.432.184.153 đồng;
- ✓ Chi phí thực hiện dự án Công ty Bến Thành Ford: 4.164.528.039 đồng.
- ✓ Saigonford ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp: 13.926.517.520 đồng.
- ✓ Toyota Giải Phóng ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp: 3.173.445.079 đồng.
- ✓ Cty TMDV Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ) ứng trước tiền hàng: 19.285.051 đồng.
- ✓ Cty Sài Gòn Ngôi Sao và Sài Gòn Viễn Đông ứng trước tiền hàng: 4.238.293.901 đồng.
- ✓ Ứng trước các HĐ xây dựng cho Dự án SAVICO-Plaza tại Hà Nội: 8.905.300.000 đồng
- ✓ Cty Toyota Cần Thơ ứng trước tiền hàng : 467.775.001 đồng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D4. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	1.920.476.190	
- Nguyên liệu, vật liệu	2.253.960.493	1.120.401.455
- Công cụ, dụng cụ	14.366.465	9.390.832
- Chi phí SX, KD dở dang	1.258.376.948	1.706.456.136
- Thành phẩm	254.340.056	54.225.892
- Hàng hóa	94.162.784.634	72.748.793.092
- Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	99.864.304.786	75.639.267.407

D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	103.052.330
Cộng	-	103.052.330

D6. Phải thu dài hạn nội bộ*Không phát sinh.***D7. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác (*)	5.906.653.139	17.081.269.503
Cộng	-	17.081.269.503

(*): Khoản phải thu dài hạn 5.906.653.139 đồng chủ yếu gồm các khoản sau:

- + Khoản chi phí ban đầu dự án 6 THĐ: 1.561.031.892 đồng.
- + Khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền: 4.345.621.247 đồng.

D8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.983.426.340	22.236.863.230	6.636.601.425	373.600.430	45.230.491.425
Mua trong kỳ	5.802.844.742	11.866.571.270	6.910.901.794	21.722.000	24.602.039.806
Đầu tư XDCB hoàn thành	15.540.731.575				15.540.731.575
Chuyển sang BĐS đầu tư	(105.789.054)				(105.789.054)
Thanh lý, nhượng bán		(19.574.731.671)	(2.879.084.895)		(22.453.816.566)
Số cuối kỳ	37.221.213.603	14.528.702.829	10.668.418.324	395.322.430	62.813.657.186

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.499.050.000	10.407.887.864	3.443.146.944	339.084.906	24.689.169.714
Khấu hao trong kỳ	1.170.670.734	2.447.780.883	1.289.091.644	39.342.636	4.946.885.897
Giảm trong kỳ	(105.789.054)	(5.033.114.715)	(1.440.726.984)	-	(6.579.630.753)
Số cuối kỳ	11.563.931.680	7.822.554.032	3.291.511.604	378.427.542	23.056.424.858
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	5.484.376.340	11.828.975.366	3.193.454.481	34.515.524	20.541.321.711
Số cuối kỳ	25.657.281.923	6.706.148.797	7.376.906.720	16.894.888	39.757.232.328

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.454.684.768 đồng

D9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm			
Tăng trong kỳ	2.663.406.747		2.663.406.747
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	2.663.406.747		2.663.406.747
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm			
Khấu hao trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ			
Giá trị còn lại			
Số đầu năm			
Số cuối kỳ	2.663.406.747		2.663.406.747

D10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.171.902.910	628.616.750	51.800.519.660
Tăng trong kỳ		66.004.700	50.000.000
Giảm trong kỳ	(51.209.420)		(51.209.420)
Số cuối kỳ	51.120.693.490	694.621.450	51.815.314.940
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.295.048.022	56.651.878	2.351.699.900

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Khấu hao trong kỳ	1.143.911.958	155.806.314	1.299.718.272
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	3.438.959.980	212.458.192	3.651.418.172
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.876.854.888	571.964.872	49.448.819.760
Số cuối kỳ	47.681.733.510	482.163.258	48.163.896.768

D11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Hoàn thành chuyển BĐSĐT trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự án Khu nhà ở Tam Bình - Hiệp Bình Phước	63.706.582.427	505.332.512	-	64.211.914.939
Dự án khu du lịch Bãi Trẹm - Đà Nẵng	18.034.088.918	848.244.649	-	18.882.333.567
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng.	3.015.005.024	571.153.200	-	3.586.158.224
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	234.153.583	-	-	234.153.583
Công trình 104 Phổ Quang, Q. Tân Bình	4.747.867.129	863.201.160	-	5.611.068.289
Khu đất tại Hưng Phú, Cần Thơ	764.744.685	-	-	764.744.685
Dự án văn phòng 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	4.669.038.100	4.147.274.154	-	8.816.312.254
Dự án 9-15 Lê Minh Xuân (Titco-Savico-KHahomex)	654.441.000	253.953.700	-	908.394.700
Dự án TTTM tại Quốc Lộ 13	143.095.481.862	17.917.596.742	-	161.013.078.604
Dự án Đại Lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ.	6.428.800.854	24.117.602.195	20.500.356.466	10.046.046.583
Dự án Savico Plaza Hà Nội.	15.047.620.969	11.798.590.139	-	26.846.211.108
Dự án Đại lý TOYOTA 3S tại Pháp Vân, Hà Nội	-	6.449.666.607	-	6.449.666.607
Dự án Showroom Hyundai – 6A Trần Hưng Đạo	-	641.793.727	-	641.793.727
Dự án Chương trình phần mềm Kế toán	-	435.870.000	-	435.870.000
Cộng	260.397.824.551	69.971.149.942	26.287.315.727	308.447.746.870

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

- + Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng : Đang triển khai thiết kế và thực hiện thủ tục xin giấy phép xây dựng theo thiết kế mới.
- + Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước : Đang trình duyệt hồ sơ quy hoạch 1/500 và tiến hành lập dự án đầu tư và thiết kế cơ sở.
- + Dự án Bãi Trẹm – Đà Nẵng : Ký hợp đồng tư vấn, quản lý kinh doanh khách sạn với tập đoàn Accor và hợp đồng tiếp thị kinh doanh với Savills. Đang chọn đơn vị tư vấn thiết kế cho dự án.
- + Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc : Đã có quyết định thu hồi đất dự án của Nhà nước và Công ty đang phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
- + Dự án 104 Phổ Quang : Đã được UBND Thành phố duyệt chủ trương đầu tư và quy hoạch tổng thể mặt bằng. Đang triển khai dự án.
- + Đất Hưng Phú : Cần Thơ : Công ty đang làm việc với Tp Cần Thơ về thủ tục pháp lý đất đai.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- + Dự án 66:68 NKKN : Chi phí đầu tư.
- + Dự án Quốc lộ 13 : Đang lập và trình quy hoạch 1/500; chủ trương đầu tư được Sở tài nguyên môi trường thông qua vào tháng 09/2009.
- + Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ : Sẽ kết chuyển tăng BĐS đầu tư khi hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.
- + Dự án 9-15 Lê Minh Xuân : Góp vốn triển khai dự án với Titco.
- + Dự án Showroom Hyundai – 6A T. Hưng Đạo : Đang thi công. hoàn thành trong tháng 02/2010.
- + Dự án Chương trình phần mềm Kế toán : Dự kiến hoàn tất trong quý 1/2010.
- + Dự án SAVICO Plaza Hà Nội : Đang xây dựng và đã bổ nhiệm CB-RE là đơn vị kinh doanh và tiếp thị dự án.
- + Dự án Đại lý TOYOTA 3S tại Pháp Vân, Hà Nội : Đang xây dựng và dự kiến khai trương trong quý 2/2010

D12. Bất động sản đầu tư

<i>Khoản mục</i>	<i>Số dư đầu 2009</i>	<i>Tăng trong 2009</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số dư 31/12/2009</i>
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất	-			
- Nhà	50.825.805.393	63.294.924.882	861.280.946	113.259.450.328
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất	-	-		
- Nhà	12.304.778.784	3.715.731.590	563.100.727	15.457.409.647
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	38.521.026.609			97.802.040.681

D13. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI	25.535.555.518	22.206.922.691
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	41.748.394.647	27.648.271.784
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO	1.397.672.538	1.635.734.827
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	5.352.732.139	4.669.355.554
Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn – SSC	1.406.204.197	1.830.137.405
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	1.293.427.652	1.860.931.380
Công Ty TNHH SAVICO-Vinaland	163.067.580.092	164.043.000.000
Cộng	239.801.566.783	223.894.353.641

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

D14. Đầu tư dài hạn khác (theo chiến lược dài hạn)

<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
-------------------	-------------------

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đầu tư tài chính dài hạn (là CĐ chiến lược, CĐ sang lập).	319.916.904.090	319.427.750.590
- Đầu tư trái phiếu	150.000.000	150.000.000
- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	203.073.257.389	119.986.158.125
Cộng	523.140.161.479	439.563.908.715

- Thuyết minh các khoản đầu tư tài chính dài hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu)

STT	Mã CK	Giá trị
Savico tham gia với tư cách cổ đông sáng lập – chiến lược		
1	OCB	121.548.030.590
2	CK ORS	31.500.000.000
3	SPT	11.769.230.000
4	Tradincorp	13.500.000.000
5	VietThai	8.042.676.000
6	Cty B.T Long Hải (Tropicana)	6.450.000.000
7	Cty B.T Non nước (Sandy Beach)	6.000.000.000
8	BenThanh (TSC)	3.289.960.000
Savico tham gia đầu tư theo lĩnh vực – ngành nghề		
1	Searefico	11.467.000.000
2	Việt Á	91.072.036.000
3	NH EXIM	20.157.500
4	Sabeco	14.000.000.000
5	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	242.550.000
6	Công ty CP Kim Khí Thăng Long	221.464.000
7	Công ty CP Cơ khí Vinh	488.800.000
8	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	305.000.000
9	Công trái GD	150.000.000
Tổng cộng		320.066.904.090

- Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

Tên Dự án	31/12/2009	Nội dung
Khu du lịch Sinh Thái Cần Giờ	50.000.000	Tham gia dự án cùng với Cty Quản lý Nhà Quận 1 và Tổng Cty Bến Thành.
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	41.355.606.189	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thử Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2.
Dự án Long Hòa - Cần Giờ	56.528.176.598	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%, thực hiện dự án khu nhà ở tại xã Long Hòa – Cần Giờ, Đã nộp tiền sử dụng đất.
Dự án 56 Bến Vân Đồn	60.420.366.168	Tham gia góp vốn với Cty CP XNK Khánh Hội thành lập Công ty TNHH DVTH Sài Gòn Khánh Hội, tỉ lệ vốn góp 49%, phát triển dự án tại 56 Bến Vân Đồn.
Dự án 91 Pasteur	40.103.226.842	Góp vốn với Công ty Quản lý Kinh doanh Nhà Thành Phố. Tỉ lệ vốn góp là 51%. Thực hiện dự án

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		cao ốc văn phòng tại 91 Pasteur. Q1. TpHCM. Dự kiến tháng 02/2010 hoàn thành và đang chuẩn bị ký hợp đồng cho thuê toàn bộ cao ốc.
Công ty con đầu tư vào siêu thị ô tô trên đường Nguyễn Văn Cừ.	4.615.881.592	Góp vốn kinh doanh với Tổng Công Ty Bến Thành
Cộng	203.073.257.389	

D15. Chi phí trả trước dài hạn

Công ty LD TOYOTA Giải Phóng đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) với Công ty Thiên Hà để mở đại lý 3S tại Pháp Vân, Hà Nội và tạm ứng doanh thu 08 năm đầu tiên với số tiền là 20.609.766.094 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) cho dự án Dự án Đại lý TOYOTA 3S tại Pháp Vân, Hà Nội: 20,850,708,743 đồng.

D16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi	10.300.000.000	600.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	54.221.756.000	44.991.000.000
Ngân hàng HSBC	5.766.856.045	22.849.455.027
Công Ty CP Chứng Khoán Phương Đông	-	19.500.000.033
Ngân hàng TMCP Quân Đội	10.024.326.000	4.000.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp	-	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	15.418.505.000	
	-	
Cộng vay ngắn hạn	97.531.443.045	93.740.455.060
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Công Thương	7.776.000.000	7.776.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	2.296.000.000	1.966.663.200
SACOMBANK	11.111.112.000	10.185.186.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2.000.000.000	2.000.000.000
HSBC	12.500.000.000	12.500.000.000
Cộng vay dài hạn đến hạn	35.683.112.000	34.427.849.200
Vay và nợ ngắn hạn	133.214.555.045	128.168.304.260

D17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	3.797.633.082	2.880.851.299
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.067.315.372	13.823.822.620
- Thuế thu nhập cá nhân	1.828.568.450	4.534.394.553
- Thuế khác	161.753.118	-
Cộng	29.855.270.022	21.239.068.472

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D18. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh(*)	10.631.269.792	1.820.206.673
- Trích trước các khoản lãi repo cổ phiếu	-	4.172.800.345
- Trích trước lãi sử dụng vốn	1.003.679.596	-
- Trích trước khác	-	4.636.575.288
Cộng	11.634.949.388	10.629.582.306

(*): Đây là khoản trích trước chi phí lương, kiểm toán, phí kiểm toán, thuê đất, thuê nhà của các công ty trong hệ thống.

D19. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	624.910.542	412.100.694
- Bảo hiểm xã hội	187.529.388	178.407.822
- Bảo hiểm y tế	50.149.342	13.198.395
- Phải trả về cổ phần hoá	-	19.461.651.862
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	-
- Doanh thu chưa thực hiện	10.658.234.464	7.302.918.026
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	46.589.935.437	43.445.290.039
Cộng	58.130.759.173	70.813.566.838

(*): Các khoản phải trả khác 46.589.935.437 đồng, trong đó

+ Các khoản phải trả khách hàng: 26.411.496.059 đồng.

+ Các khoản thu hộ, cho hộ của Ford Việt Nam để thực hiện chương trình hỗ trợ khách hàng và nhận góp vốn Automark : 8.115.064.492 đồng và lợi nhuận phải chia cho chủ sở hữu 3.116.750.000 đ.

+ Các khoản phải trả 8.720.000.000 đồng của Cty Đông Đô Thành chủ yếu là khoản nhận vốn hợp tác đầu tư DA tại Đường Phan Văn Trị, Q.Gò Vấp.

D20. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.791.121.947	13.009.997.192
- Doanh thu chưa thực hiện	96.529.735.000	98.764.380.000
- Khoản nhận góp vốn đầu tư các DA	80.584.136.560	27.598.400.000
- Phải trả dài hạn khác	49.693.102.554	-
Cộng	236.598.096.061	139.372.777.192

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D21. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Ngân hàng Công Thương	17.938.440.879	44.014.440.879
Ngân hàng HSBC	-	12.500.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	31.365.868.075	3.430.000.000
Ngân hàng Phương Đông	184.000.000.000	190.000.000.000
Ngân hàng SACOMBANK	63.703.702.000	74.806.895.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Cần Thơ)	46.224.660.795	13.600.000.000
Ngân hàng Mitsubishi (Hà Nội)	36.000.000.000	
Cộng	379.232.671.749	338.351.335.879
Nợ dài hạn	-	
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	1.756.577.084	
Cộng vay và nợ dài hạn	380.989.248.833	

D22. Vốn chủ sở hữu**D22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số đầu 01/01/2008	148.734.100.000	120.000.000.000	(2.801.612.500)	0	12.098.543.923	3.371.905.229	73.616.520.522	355.019.457.174
Phát hành cổ phiếu trong năm 2007	54.876.300.000	-	-	-	-	-	-	54.876.300.000
Lợi nhuận sau thuế năm 2008	-	-	-	-	-	-	39.953.164.811	39.953.164.811
Phân bổ các quỹ	-	60.876.300.000	(743.133.777)	-	4.094.925.364	3.230.102.752	-	67.458.194.339
Cổ tức 2008	-	-	-	-	-	-	(21.810.925.500)	(21.810.925.500)
Phân bổ kinh phí hoạt động HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	650.345.638	-	-	-	650.345.638
Giảm trừ khác	-	-	-	-	-	-	(16.934.317.453)	(16.934.317.453)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2008	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	479.212.219.009
Số dư 01/01/2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	479.212.219.009
Phát hành cổ phiếu trong năm 2009	46.345.330.000	-	-	-	-	-	-	46.345.330.000
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	-	-	74.715.197.482	74.715.197.482
Tăng trong kỳ	-	136.188.558.303	-	4.420.852.278	2.238.401.985	1.570.568.150	391.063	144.418.771.779
Cổ tức 2009	-	-	-	-	-	-	(22.180.036.975)	(22.180.036.975)
Giảm trong 2009	-	-	3.544.730.277	(1.533.931.831)	-	-	(5.669.756.562)	(3.658.958.116)
Số dư 31/12/2009	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	3.537.266.085	18.431.871.272	8.172.576.131	121.690.237.388	718.852.523.179

D22.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	77.763.930.000	67.418.930.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	172.191.800.000	136.191.470.000
Cộng	249,955,730,000	203.610.400.000

D22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	203.610.400.000	148.734.100.000
Vốn góp tăng trong kỳ	46,345,330,000	54.876.300.000
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	249,955,730,000	203.610.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	16.008.268.200	

D22.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24,995,573	20.361.040
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24,995,573	20.361.040
- Cổ phiếu phổ thông	24,995,573	20.361.040
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1	221.061
- Cổ phiếu phổ thông	1	221.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24,995,572	20.139.979
- Cổ phiếu phổ thông	24,995,572	20.139.979

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D22.5. Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- + Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D23. Nguồn kinh phí và quỹ khác**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	Quý 4/ 2009	Quý 4/ 2008
D24. Doanh thu		
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	1.088.003.706.002	413.202.389.568
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.017.884.847	21.206.104.624
Các khoản giảm trừ doanh thu:		

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	34.707.550	21.180.500
- Hàng bán bị trả lại	9.805.740.551	1.319.669.320
- Giảm giá hàng bán	179.670.089	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.117.001.472.659	433.067.644.372
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.077.983.587.812	411.861.539.748
- Doanh thu thuần về bán thành phẩm		
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	39.017.884.847	21.206.104.624

D25. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/ 2009	Quý 4/ 2008
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	993.059.737.907	369.374.951.908
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.175.397.275	13.624.927.767
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	172.115.108	39.013.953
Cộng	1.037.407.250.290	383.038.893.628

D26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/ 2009	Quý 4/ 2008
Doanh thu hoạt động tài chính	16.499.653.753	43.843.759.707

D27. Chi phí tài chính

	Quý 4/ 2009	Quý 4/ 2008
Chi phí lãi vay	7.908.226.899	24.110.854.450
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.140.635.597	119.070.422.083
Chi phí tài chính khác	1.102.055.115	2.698.230.328
Cộng	11.150.917.611	145.879.506.861

D28. Thu nhập khác

	Quý 4/ 2009	Quý 4/ 2008
Thu bán thanh lý TSCĐ	2.264.788.033	9.559.904.701
Tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	732.230.908	99.086.050.000
Thu nhập khác	3.518.582.523	2.101.181.401
Cộng	6.515.601.464	110.747.136.102

D29. Chi phí khác

	Quý 4/ 2009	Quý 4/ 2008
Chi phí thanh lý TSCĐ	9.257.973.779	3.386.910.023
Phạt vi phạm hợp đồng	79.048.867	410.828.611
Chi phí khác	354.229.847	668.865.432
Cộng	9.691.252.493	4.466.604.066

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót***Không phát sinh.***2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2009	01/01/2009
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	28,36	26,93
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	71,64	73,07
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,88	62,10
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43,12	37,90
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,5	1,15
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,2	0,93
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
		Quý 4/2009	Quý 4/ 2008
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	2,99	3,79
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,51	3,82
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,97	1,22
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,65	1,23
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	3,19	3,71

Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**_____
Nguyễn Thanh Phong_____
Hoàng Thị Thảo